TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1
TỈNH AN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 95/2025/HS-ST
Ngày: 29.10.2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1 - AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Tấn Nghĩa.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Chung Kim Sang.

2. Bà Hà Thị Thủy.

Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thị Hồng Diễm – Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 1 – An Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 1 – An Giang tham gia phiên tòa: Ông Phạm Minh Ngoan - Kiểm sát viên.

Trong ngày 29 tháng 10 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 1- An Giang tiến hành mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 23/2025/TLST-HS, ngày 05 tháng 8 năm 2025, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 61/2025/QĐXXST-HS ngày 26 tháng 8 năm 2025, đối với bị cáo:

Nguyễn Văn L, sinh ngày 01/01/1984; Nơi sinh; Đặc khu P, tỉnh An Giang; Nơi ĐKTT và nơi ở: Khu phố R, Đặc khu P, tỉnh An Giang; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 06/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Anh T và bà Phạm Xuân H; Có vợ: Nguyễn Thị Thu G; Con: 03 người, lớn sinh năm 2013, nhỏ nhất sinh năm 2018; Tiền án, tiền sự: không;

Nhân thân:

+ Ngày 22/5/2024, bị Toà án nhân dân thành phố Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang xử phạt 09 (chín) tháng tù về tội Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức theo Bản án số 72/2024/HS-ST, ngày 22/5/2024 (Chưa chấp hành, chưa xóa án tích).

+ Ngày 27/5/2025, bị Toà án nhân dân tỉnh Kiên Giang xử phạt tù Chung thân về tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản; 03 (ba) năm tù về tội Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức; 01 (một) năm tù về tội Sử dụng con dấu, tài liệu giả tài liệu của cơ quan,

tổ chức theo Bản án số 68/2025/HS-ST, ngày 27/5/2025. Tổng hợp hình phạt chung là tù **Chung thân** (Đang chấp hành).

Trong vụ án này bị cáo không bị tạm giam (Bị cáo bị tạm giam trong vụ án Lừa đảo chiếm đoạt tài sản; Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức; Sử dụng con dấu, tài liệu giả tài liệu của cơ quan, tổ chức theo Bản án số 68/2025/HS-ST, ngày 27/5/2025, từ ngày 12/3/2024 cho đến nay).

(Có mặt tại phiên tòa)

* *Người bị hại*: Ông **Nguyễn Văn N**, sinh năm 1980. Địa chỉ: Số P - B, đường Số C, khu đô thị P, phường R, tỉnh An Giang. (Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt).

* *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan*: Ông **Trần Việt C**, sinh năm 1980. Địa chỉ: Khu phố Đ, xã T, tỉnh An Giang. (Vắng mặt).

* *Người chứng kiến:* Ông **Lý Quốc K**, sinh năm 1998; Địa chỉ: Tổ F, ấp H, phường T, tỉnh An Giang. (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do có mối quan hệ quen biết từ trước và nhiều lần Nguyễn Văn L được ông Nguyễn Văn N là Giám đốc Công ty Trách nhiệm hữu hạn T1 có địa chỉ tại số A, đường L, phường A, thành phố R, tỉnh Kiên Giang (nay là phường R, tỉnh An Giang) cho thuê xe tự lái nên vào ngày 17/4/2023, L gọi điện thoại cho ông N hỏi thuê xe ô tô tự lái thì ông N đồng ý và đã cho thuê L thuê xe ô tô biển kiểm soát 68A-265.62, nhãn hiệu HYUNDAI, số loại ACCENT HCI3, màu đỏ, 05 chỗ ngồi và thoả thuận giá thuê là 15.000.000 đồng/tháng (xe ô tô trên là tài sản của ông Trần Việt C ký hợp đồng giao cho ông Nguyễn Văn N để cho thuê và ông N chịu mọi trách nhiệm về tài sản được ông C giao), L thỏa thuận chỉ thuê một tháng và chiều cùng ngày L kêu Lý Quốc K, sinh năm 1998, nơi thường trú: ấp H, xã D, huyện K, tỉnh Kiên Giang (nay là phường T, tỉnh An Giang) là người được L thuê lái xe riêng cho mình, sau khi K đến gặp ông N để ký hợp đồng thuê xe và nhận xe cho L thì ông N nói với K là đã thỏa thuận với L xong hết rồi, K chỉ cần ký hợp đồng là nhận xe về mang về cho L. Sau khi nhận được tài sản là xe ô tô biển kiểm soát 68A-265.62 từ ông N thì K gọi điện thoại thông báo cho L hay là đã nhận được xe thuê xong, L kêu K điều khiển xe đến Bến tàu H đón L từ P vào để đi công việc riêng của L ở tỉnh Cà Mau, sau khi đón L xong đi đến tỉnh Cà Mau thì K tiếp tục làm lái xe thuê cho L được khoảng 10 ngày (tính từ ngày nhận xe từ ông N, tức ngày 17/4/2023) thì K xin nghỉ làm lái xe cho L với lý do L không trả tiền công lái xe cho K đúng hẹn theo thỏa thuận từ

trước (9.000.000 đồng/tháng) thì L đồng ý và K có gọi thông báo cho ông N về việc mình nghỉ lái xe cho L và yêu cầu ông N ký lại hợp đồng cho thuê xe với L. Sau khi hết thời gian cho thuê xe một tháng thì L trả tiền thuê xe cho ông N đúng thỏa thuận và gọi điện thoại trao đổi với ông N tiếp tục thuê xe để sử dụng thì được ông N đồng ý, do L và ông N đã quen biết từ trước nên ông N tin tưởng và không ký lại hợp đồng cho thuê xe tự lái. Khi tiếp tục thuê xe thì L cũng trả tiền thuê theo thỏa thuận đến khoảng tháng 7/2023. Sau đó, L mang xe ô tô biển kiểm soát 68A-265.62 đi cầm cố cho người đàn ông tên G1 (tên thường gọi là G2, là bạn bè quen biết bên ngoài xã hội của L không rõ lai lịch cụ thể) lấy số tiền là 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng) rồi tiêu xài cá nhân hết. Đến tháng 10/2023, L nợ tiền thuê xe 03 tháng mà không thanh toán nên ông N yêu cầu L trả tiền thuê xe và mang xe đến trả lại thì L nhiều lần hứa hẹn nhưng luôn cố tình né tránh, không trả tiền thuê xe và do xe đã cầm cố nên không có xe để trả lại cho ông N. Đến ngày 25/5/2025, sau thời gian đi tìm kiếm thì ông N đến khu vực xã H, thành phố P (nay là Đặc khu P) thì phát hiện ô tô biển kiểm soát 68A-265.62 đang đậu bỏ tại khu vực rừng H nên trình báo đến cơ quan Công an.

Ngày 12/3/2025, Nguyễn Văn L bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh K (nay là tỉnh An Giang) khởi tố bị can để điều tra. Trong quá trình điều tra và truy tố Nguyễn Văn L đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, thừa nhận hành vi phạm tội.

* *Về tài liệu, đồ vật thu giữ*: 01 (một) ô tô biển đăng ký 68A-265.62, nhãn hiệu HYUNDAI, số loại ACCENT HCI3, số máy: G4LCNU742349, số khung: RLUAC41BBNN086446, màu đỏ, 5 chỗ ngồi, đã qua sử dụng.

* Tại Bản kết luận định giá tài sản số 18/KL-HĐĐGTS, ngày 19/02/2025 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự thuộc Ủy ban nhân dân thành phố R kết luận:

- Định giá qua hồ sơ 01 (một) ô tô biển đăng ký 68A-265.62, nhãn hiệu HYUNDAI, số loại ACCENT HCI3, số máy: G4LCNU742349, số khung: RLUAC41BBNN086446, màu đỏ, 5 chỗ ngồi, xe đã qua sử dụng vào tháng 10/2023 có giá là 370.000.000đ (ba trăm bảy mười triệu đồng).

Trong quá trình điều tra, truy tố cũng như tại phiên tòa bị cáo thống nhất và không có ý kiến hay khiếu nại gì đối với kết luận nêu trên.

Tại bản Cáo trạng số: 19/CT-VKS ngày 01/8/2025 Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 1 – An Giang đã truy tố bị cáo Nguyễn Văn L về tội: "Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản" theo quy định tại khoản 3 Điều 175 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa: Đại diện Viện kiểm sát vẫn giữ nguyên quan điểm bản Cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Áp dụng khoản 3 Điều 175; điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 38 của Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn L từ 08 đến 09 năm tù.

- Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung do bị cáo không có nguồn thu nhập ổn định.

- Về trách nhiệm dân sự: Người bị hại là ông Nguyễn Văn N yêu cầu bị cáo Nguyễn Văn L bồi thường thiệt hại là 200.000.000 đồng (Hai trăm triệu đồng), (bao gồm chi phí sửa chữa, bảo trì xe là 50.000.000 đồng và tiền thuê xe là 150.000.000 đồng). Bị cáo L đồng ý bồi thường số tiền trên theo yêu cầu của bị hại, đề nghị HĐXX ghi nhận.

Tại phiên tòa:

- Bị cáo Nguyễn Văn L thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội theo như nội dung Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 1 – An Giang đã truy tố. Về trách nhiệm dân sự, bị cáo đồng ý bồi thường số tiền 200.000.000 đồng cho người bị hại ông Nguyễn Văn N. Về trách nhiệm hình sự, bị cáo xin được giảm nhẹ hình phạt.

- Quá trình điều tra, tuy tố, người bị hại là ông Nguyễn Văn N thể hiện quan điểm: Về trách nhiệm dân sự, ông N yêu cầu bị cáo phải bồi thường thiệt hại tổng cộng số tiền là 200.000.000 đồng (bao gồm chi phí sửa chữa, bảo trì xe là 50.000.000 đồng và tiền thuê xe là 150.000.000 đồng). Về trách nhiệm hình sự, yêu cầu xét xử bị cáo theo quy định của pháp luật.

Tại phần nói lời sau cùng bị cáo L trình bày: Bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội của mình và nhận thức được hành vi của mình là sai trái, vi phạm pháp luật, xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt để bị cáo có cơ hội sữa chữa sai lầm.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan, người tiến hành tố tụng: Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng không có người nào có ý kiến và khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về chứng cứ và tình tiết định tội, định khung hình phạt: Tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Văn L đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Lời nhận tội của bị cáo phù hợp với lời khai nhận tội tại Cơ quan điều tra, lời khai người bị hại, người làm chứng, kết luận giám định của các cơ quan có thẩm quyền và phù hợp các chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án đã được làm rõ tại phiên tòa. Hội đồng xét xử có đủ cơ sở để kết luận: Lợi dụng mối quan hệ quen biết, sự tin tưởng của ông Nguyễn Văn N giành cho mình nên vào ngày 17/4/2023 Nguyễn Văn L được ông N cho thuê 01 xe ô tô tự lái biển kiểm soát 68A-265.62, nhãn hiệu HYUNDAI với giá 15.000.000 đồng/tháng. Sau khi hết thời gian cho thuê xe một tháng thì L trả tiền thuê xe cho ông N đúng thỏa thuận và gọi điện thoại trao đổi với ông N tiếp tục thuê xe để sử dụng thì được ông N đồng ý. Khi tiếp tục thuê được xe thì L trả tiền thuê xe đến tháng 7/2023. Sau đó, do không có tiền tiêu xài nên L nãy sinh ý định chiếm đoạt và đã thực hiện hành vi mang xe ô tô biển đăng ký 68A-265.62 đi cầm cho người đàn ông tên G1 (thường gọi là G2, không rõ lai lịch cụ thể) để lấy số tiền là 100.000.000 đồng và đã sử dụng số tiền cầm xe vào mục đích cá nhân dẫn đến không có khả năng trả lại tài sản cho người bị hại ông Nguyễn Văn N. Tài sản chiếm đoạt là xe ô tô nhãn hiệu HYUNDAI, biển kiểm soát 68A-265.62, qua định giá có giá trị là 370.000.000 đồng (Ba trăm bảy mươi triệu đồng). Do đó, hành vi của Nguyễn Văn L đủ yếu tố cấu thành tội "Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản" theo quy định tại khoản 3 Điều 175 của Bộ luật hình sự như bản cáo trạng của Viện kiểm sát đã truy tố là hoàn toàn có căn cứ và đúng quy định pháp luật.

[3] Về tính chất, mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội, Hội đồng xét xử nhận thấy: Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, bị cáo là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự nhận thức rõ hành vi của mình là vi phạm pháp luật, nhưng đã bất chấp mọi hậu quả xảy ra để thực hiện bằng được hành vi phạm tội; bị cáo thực hiện tội phạm với lỗi cố ý, đã trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản hợp pháp của người bị hại. Bị cáo đã lợi dụng lòng tin, sự tin tưởng của người bị hại giành cho mình, sau đó bằng thủ đoạn gian dối dùng tài sản mà người bị hại đưa cho mình để cầm cố lấy tiền tiêu xài, phục vụ nhu cầu của bản thân dẫn đến không còn khả năng thanh toán. Hành vi của bị cáo không chỉ làm ảnh hưởng đến đời sống kinh tế của người bị hại, gây tâm lý hoang mang, bức xúc trong quần chúng nhân dân, mà còn làm tăng thêm sự phức tạp tình hình trật tự trị an ở địa phương và thể hiện sự xem thường pháp luật. Do đó, cần có một mức hình phạt nghiêm, tương xứng với tính chất và hậu quả do hành vi phạm tội gây ra, nhằm có tác dụng răn đe và phòng ngừa chung cho kẻ khác, thể hiện tính nghiêm minh của pháp luật.

[4] Về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo:

- Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo quy định tại Điều 52 của Bộ luật Hình sự.

- Về tình tiết giảm nhẹ: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải là tình tiết giảm nhẹ được áp dụng theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự.

[5] Sau khi xem xét tính chất, mức độ nguy hiểm của xã hội cho hành vi phạm tội, hậu quả của tội phạm, nhân thân của bị cáo, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự. Xét thấy, bị cáo có 01 tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự, không có tình tiết tặng nặng. Hội đồng xét xử sẽ xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho các bị cáo khi lượng hình. Tuy nhiên, với tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội trong thời gian mới đảm bảo mục đích trừng trị, nhằm cải tạo, giáo dục bị cáo trở thành người tốt sau này, sống có ích cho xã hội và làm gương cho người khác có ý định phạm tội.

[6] Hội đồng xét xử xét thấy, đề nghị của đại diện Viện kiểm sát về tội danh, điều luật áp dụng, mức hình phạt là có căn cứ, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử, nên được chấp nhận.

[7] Về hình phạt bổ sung: Theo quy định thì bị cáo còn có thể bị phạt tiền. Tuy nhiên, theo các tài liệu, chứng cứ thể hiện bị cáo không có mức thu nhập ổn định nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[8] Về các vấn đề khác:

[8.1] Về xử lý vật chứng: Cơ quan cảnh sát điều tra đã trả lại cho bị hại Nguyễn Văn N 01 (một) ô tô biển đăng ký 68A-265.62, nhãn hiệu HYUNDAI, số loại ACCENT HCI3, số máy: G4LCNU742349, số khung: RLUAC41BBNN086446, màu đỏ, 5 chỗ ngồi theo Quyết định xử lý vật chứng số 4854/QĐ-VPCQCSĐT, ngày 28/5/2025 đúng theo quy định của pháp luật, nên HĐXX miễn xét.

[8.2] *Về trách nhiệm dân sự:* Ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận giữa bị cáo Nguyễn Văn L và người bị hại ông Nguyễn Văn N, về việc bị cáo L bồi thường thiệt hại tài sản cho ông N tổng cộng số tiền là 200.000.000 đồng (Hai trăm triệu đồng), (trong đó: chi phí sửa chữa, bảo trì xe là 50.000.000 đồng và tiền thuê xe là 150.000.000 đồng), sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

- *Về án phí hình sự sơ thẩm:* Bị cáo L phải nộp án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh đối với bị cáo:

Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Văn L phạm tội "Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản".

2. Về điều luật áp dụng và hình phạt đối với bị cáo:

Áp dụng: khoản 3 Điều 175; điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 38 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Văn L 08 (tám) năm tù. Thời điểm chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án.

3. Về xử lý vật chứng: Xét thấy, việc Cơ quan điều tra đã trả lại tài sản cho người bị hại ông Nguyễn Văn N 01 (một) ô tô biển đăng ký 68A-265.62, nhãn hiệu HYUNDAI, số loại ACCENT HCI3, số máy: G4LCNU742349, số khung: RLUAC41BBNN086446, màu đỏ, 5 chỗ ngồi theo Quyết định xử lý vật chứng số 4854/QĐ-VPCQCSĐT, ngày 28/5/2025 đúng theo quy định của pháp luật, nên HĐXX miễn xét.

4. Về trách nhiệm dân sự: Ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận giữa bị cáo Nguyễn Văn L và người bị hại ông Nguyễn Văn N, về việc bị cáo L bồi thường thiệt hại tài sản cho ông N tổng cộng số tiền là 200.000.000 đồng (Hai trăm triệu đồng), (trong đó: chi phí sửa chữa, bảo trì xe là 50.000.000 đồng và tiền thuê xe là 150.000.000 đồng), sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

5. Án phí hình sự sơ thẩm: Áp dụng Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự; các Điều 6, 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

+ Bị cáo Nguyễn Văn L phải nộp án phí hình sự sơ thẩm là 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng).

6. Quyền kháng cáo: Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

"Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải

thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014".

Nơi nhận:
- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND Khu vực 1 – An Giang;
- Phòng THA Dân sự Khu vực 1 – An Giang;
- Công an phường Rạch Giá;
- Sở tư pháp tỉnh An Giang;
- Bị cáo;
- Lưu hồ sơ.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Bùi Tấn Nghĩa